

TOÀ ÁN NHÂN DÂN

HUYỆN VŨ THƯ

TỈNH THÁI BÌNH

Bản án số: 78/2020/HS-ST

Ngày: 29-12-2020

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨ THƯ - TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Thoan.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Nhiễu;

2. Ông Phạm Đức Hiền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tho - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Ông Phạm Thanh Tùng - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 77/2020/TLST-HS ngày 20 tháng 11 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 79/2020/QĐXXST- HS ngày 15 tháng 12 năm 2020 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Lương Anh S, sinh ngày 09/8/1973.**

Nơi cư trú: Khu A, thị trấn V, huyện T, tỉnh Thái Bình; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Nghề nghiệp: Giáo viên tại Trường Tiểu học và Trung học cơ sở xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình; Trình độ học vấn: 12/12. Con ông Lương Biên S và bà Trần Thị C. Vợ: Chị Bùi Bích H, đã ly hôn. Bị cáo có 02 con, con lớn sinh năm 1997, con nhỏ sinh năm 2005. Tiền án, tiền sự: không; Nhân thân: Ngày 14/6/2016, bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Vũ Thư khởi tố về tội Cố ý gây thương tích, theo quy định tại khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự. Ngày 14/11/2016, Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư ra Quyết định

đình chỉ vụ án số 02/2016/HSST-QĐ đối với Lương Anh S do bị hại có đơn xin miễn truy cứu trách nhiệm hình sự. Bị cáo không bị bắt, tạm giữ, tạm giam; hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. *(Có mặt)*.

- Bị hại: Anh Phan Tiến D, sinh năm 1981;

Địa chỉ: Khu H, thị trấn V, huyện T, tỉnh Thái Bình.

- Người làm chứng:

1. Chị Nguyễn Thị Ng, sinh năm 1987,

Địa chỉ: Khu A, thị trấn V, huyện T, tỉnh Thái Bình;

2. Anh Bùi Tiến C, sinh năm 1980,

Địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện V, tỉnh Thái Bình.

3. Anh Bùi Thái Q, sinh năm 1980,

Địa chỉ: Xóm x, xã L, huyện T, tỉnh Thái Bình;

4. Anh Trần Đình Th, sinh năm 1988,

Địa chỉ: Thôn L, xã M, huyện V, tỉnh Thái Bình;

5. Anh Võ Đại Đ, sinh năm 2000,

Địa chỉ: Xã N, huyện S, tỉnh Sơn La.

(Anh Phan Tiến D có đơn xin xét xử vắng mặt. Chị Nguyễn Thị Ng, anh Bùi Tiến C, anh Bùi Thái Q, anh Trần Đình Th, anh Võ Đại Đ vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 18 giờ ngày 29/8/2020, Lương Anh S đến sân trụ sở Ủy ban nhân dân huyện V ở tổ dân phố A, thị trấn V, huyện T để chơi cầu lông. Lúc này, trong sân có nhiều người đang đánh cầu, trong đó có anh Phan Tiến D, anh Bùi Tiến C. Khi đến chơi cầu lông, anh D để túi vợt cầu lông, bên trong có chiếc ví màu đen trên mặt chiếc kết sắt trong sân cầu. Khi anh D đang đánh cầu thì anh C mượn vợt cầu lông của anh D, anh D đồng ý. Anh C đi đến chỗ chiếc kết sắt, mở túi vợt của anh D để lấy vợt thì chiếc ví rơi xuống sân, dưới chân kết sắt nhưng anh C không biết. Lúc này, S đang ngồi trên ghế trọng tài ở trên cao nên quan sát thấy chiếc ví của anh D rơi ra ngoài nhưng không nói với ai. Khoảng 15 phút sau, S vào nhà vệ sinh rồi đi ra nói với mọi người về trước. Đến khoảng 20 giờ cùng ngày, S đến chỗ

túi nylon màu đen đựng giày của S để ở chân kết sắt thì thấy chiếc ví của anh D nằm trên túi nylon đựng giày của S. Quan sát thấy mọi người đang tập trung đánh cầu, không ai chú ý, S dùng tay hất chiếc ví của anh D vào trong túi nylon đựng giày của mình rồi xách túi đi về. Khi về đến cổng nhà, S mở ví của anh D ra kiểm tra thì thấy ở ngăn ngoài cùng có 03 tờ tiền mệnh giá 200.000 đồng, 01 tờ tiền mệnh giá 50.000 đồng, ngăn giữa có 09 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng, tổng số tiền là 5.150.000 đồng; mặt trước của chiếc ví có ngăn nhỏ, bên trong có chứng minh nhân dân mang tên Phan Tiến D, tại các khe dọc chiếc ví còn các giấy tờ cá nhân của anh D. S lấy toàn bộ số tiền trong ví 5.150.000 đồng cho vào túi quần đang mặc, dùng chiếc áo đang mặc lau ví để xóa các dấu vết của S trên ví rồi để vào trong cặp quần bên trái, phủ vạt áo bên ngoài. S đi xe mô tô theo hướng đường 10 đi thành phố Thái Bình, sau đó vào đường khu dân cư, cạnh công ty may H thuộc địa phận khu M thị trấn V, huyện T, tỉnh Thái Bình thì quay lại, dùng tay trái nhấc chiếc ví thả rơi xuống đường với mục đích để người khác nhặt được sẽ liên lạc trả lại giấy tờ cho anh D. Khoảng 20 giờ 30 cùng ngày, anh Võ Đại Đ đi bộ tập thể dục đã nhặt được chiếc ví này nên đã gọi điện cho anh D theo số điện thoại của anh D ghi trên cặp visit và đem chiếc ví giao nộp cho Công an huyện Vũ Thư cùng với giấy tờ cá nhân bên trong ví, gồm: 01 chứng minh nhân dân, 01 căn cước công dân, 06 thẻ cap đều mang tên anh Phan Tiến D, 01 giấy đăng ký xe mô tô mang tên chị Mai Thị P, 01 thẻ ngân hàng Agribank, 01 thẻ VinID. Số tiền 5.150.000 đồng S trộm cắp được đã dùng để chi tiêu cá nhân hết.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình và khai nhận như đã nêu trên.

Bản cáo trạng số: 80/CT - VKSVT ngày 19/11/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũ Thư đã truy tố Lương Anh S về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũ Thư vẫn giữ nguyên quan điểm như đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Lương Anh S phạm tội “Trộm cắp tài sản”; Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 50; điểm b, h, s khoản 1 Điều 51; Khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự đề nghị xử phạt Lương Anh S mức án tù 09 tháng đến 01 năm tù nhưng cho hưởng án

treo. Thời hạn thử thách từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 29/12/2020. Về hình phạt bổ sung: Bị cáo đã ly hôn và hiện đang nuôi con một mình. Số tiền bị cáo chiếm đoạt không lớn và đã khắc phục cho bị hại nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Lương Anh S đã bồi thường cho anh Phan Tiến D số tiền 5.150.000 đồng. Anh D đã nhận đủ tiền và không có yêu cầu đề nghị gì thêm nên không đặt ra giải quyết. Về xử lý vật chứng: Chấp nhận việc cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Vũ Thư đã trả lại cho bị hại là anh Phan Tiến D 01 chiếc ví da màu đen và các giấy tờ cá nhân, gồm: 01 chứng minh nhân dân, 01 căn cước công dân, 06 thẻ cap đều mang tên anh Phan Tiến D, 01 giấy đăng ký xe mô tô mang tên chị Mai Thị Phương, 01 thẻ ngân hàng Agribank, 01 thẻ VinID. Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo rất ân hận về hành vi phạm tội của mình. Bị cáo mong Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng án treo để bị cáo có cơ hội sửa chữa sai lầm và tiếp tục đi làm nuôi con ăn học.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng trong điều tra, truy tố, xét xử:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra công an huyện Vũ Thư, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũ Thư, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có ý kiến gì và không khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Căn cứ buộc tội bị cáo:

Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra và nội dung bản Cáo trạng đã mô tả; phù hợp với lời khai của bị hại, những người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác thu thập được có trong

hồ sơ vụ án như: Biên bản xác định hiện trường và sơ đồ hiện trường do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Vũ Thư lập ngày 01/9/2020, tại trụ sở Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Thái Bình; Biên bản xác định vị trí nơi bị can Lương Anh S vớt chiếc ví và anh Võ Đại Đ nhặt được chiếc ví do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Vũ Thư lập hồi 20 giờ 30 phút ngày 31/8/2020 tại trụ sở Công an huyện Vũ Thư; Biên bản trích xuất, xem xét dữ liệu hình ảnh camera do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Vũ Thư lập hồi 13 giờ 30 phút ngày 04/9/2020 tại Cửa hàng vật tư cơ khí T, khu M, thị trấn V, huyện T, tỉnh Thái Bình; Vật chứng thu giữ tại Biên bản giao nhận tài liệu, đồ vật do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Vũ Thư lập ngày 31/8/2020 với anh Võ Đại Đ.

Như vậy, có đủ cơ sở để kết luận: Khoảng 20 giờ ngày 29/8/2020, tại sân cầu lông trong trụ sở Ủy ban nhân dân huyện Vũ Thư, thuộc tổ dân phố A, thị trấn V, huyện T, tỉnh Thái Bình, Lương Anh S đã có hành vi lén lút trộm cắp một chiếc ví, bên trong có số tiền 5.150.000 đồng (*Năm triệu một trăm năm mươi nghìn đồng*) và một số giấy tờ cá nhân là tài sản hợp pháp của anh Phan Tiến D. Bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, cố ý thực hiện tội phạm, với mục đích chiếm đoạt tài sản của người khác. Hành vi của Lương Anh S đã thực hiện có đủ dấu hiệu cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Điều 173. Tội trộm cắp tài sản

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”.

[3] Đánh giá tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo:

Hành vi trộm cắp tài sản của anh Phan Tiến D mà Lương Anh S đã thực hiện là nguy hiểm cho xã hội. Bởi lẽ hành vi đó đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Bị cáo vì nhất thời háms lợi nên đã lợi dụng sơ hở của bị hại trong việc quản lý tài sản để thực hiện hành vi chiếm đoạt số tiền là 5.150.000 đồng (*Năm triệu một trăm năm mươi nghìn đồng*) và một số giấy tờ cá nhân của bị hại.

[4] Đánh giá về nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng của bị cáo:

Bị cáo không có tiền án tiền sự và hiện đang là giáo viên của Trường Tiểu học và Trung học cơ sở xã Q, huyện T, tỉnh Thái Bình. Bản thân bị cáo chưa từng bị kết án và chưa bị xử lý vi phạm hành chính. Bị cáo có 03 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, h, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự là: “Người phạm tội tự nguyện bồi thường cho người bị hại”; “phạm tội gây hậu quả không lớn” và “thành khẩn khai báo”; có 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự là người bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo; Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[5] Về mức hình phạt và biện pháp chấp hành hình phạt:

Xét thấy tội phạm mà bị cáo Lương Anh S đã thực hiện là tội ít nghiêm trọng; bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 và 01 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự và không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào. Bị cáo có nơi cư trú rõ ràng và có khả năng tự cải tạo. Đối chiếu với quy định tại Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự về án treo của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì bị cáo Lương Anh S có đầy đủ điều kiện cho hưởng án treo, việc cho bị cáo hưởng án treo không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội nên không cần thiết phải bắt chấp hành hình phạt tù. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy xử phạt bị cáo với mức hình phạt như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên là phù hợp. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân thị trấn V, huyện T, tỉnh Thái Bình nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục cũng đủ để cải tạo bị cáo thành công dân tốt, đáp ứng được yêu cầu đấu tranh phòng chống tội phạm nói chung.

Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự quy định: “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng*”.

Xét thấy bị cáo đã ly hôn và phải một mình nuôi con ăn học, số tiền chiếm đoạt không lớn nên không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

Bị cáo Lương Anh S đã bồi thường cho anh Phan Tiến D toàn bộ số tiền 5.150.000 đồng. Anh D đã nhận đủ tiền và không có yêu cầu đề nghị gì thêm nên không đặt ra giải quyết.

[7] Về vật chứng, xử lý vật chứng:

Việc cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Vũ Thư đã trả lại cho anh Phan Tiến D 01 chiếc ví da màu đen và các giấy tờ cá nhân, gồm: 01 chứng minh nhân dân, 01 căn cước công dân, 06 thẻ cap đều mang tên anh Phan Tiến D, 01 giấy đăng ký xe mô tô mang tên chị Mai Thị P, 01 thẻ ngân hàng Agribank, 01 thẻ VinID là tài sản hợp pháp của bị hại là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự và khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự nên cần chấp nhận, không đặt ra giải quyết.

Bị cáo phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm theo luật định.

Bị cáo; bị hại có 15 ngày kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; Điều 50; các điểm b, h, s khoản 1 Điều 51; Khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136; Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Lương Anh S phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Lương Anh S 01 (một) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 (hai) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 29/12/2020. Giao bị cáo Lương Anh S cho Ủy ban nhân dân thị trấn V, huyện T, tỉnh Thái Bình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo

thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo Lương Anh S cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo.

3. Về trách nhiệm dân sự: Không đặt ra giải quyết.

4. Về xử lý vật chứng: Không đặt ra giải quyết.

5. Án phí: Bị cáo Lương Anh S phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo đối với Bản án: Án xử công khai, sơ thẩm, có mặt bị cáo. Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 29/12/2020. Vắng mặt bị hại là anh Phan Tiến D, anh D có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

“Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũ Thư;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra huyện Vũ Thư;
- Cơ quan thi hành án hình sự;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũ Thư;
- Bị cáo; Bị hại;
- UBND thị trấn V, huyện T, tỉnh Thái Bình;
- Lưu hồ sơ, HC-TP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nơi nhận :

- V.K.S.N.D tỉnh Thái Bình;
- VKS nhân dân huyện Vũ Thư;
- Công an huyện Vũ Thư;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũ Thư;
- Bị cáo, nơi cư trú của bị cáo;
- Bị hại;
- TAND tỉnh Thái Bình;
- Sở tư pháp tỉnh Thái Bình;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu HCTP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN
TÒA****Bùi Thị Thoan**

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

